

Số: **1302** /QĐ-CHQ

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát Hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 66/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ Tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về Hải quan, Trưởng Ban Tài vụ - Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát Hải quan.

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế các quyết định: Quyết định số 1294/QĐ-CHQ ngày 22/8/2025 của Cục trưởng Cục Hải quan và Quyết định số 911/QĐ-TCHQ ngày 21/4/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục Hải quan, Trưởng Ban Tài vụ - Quản trị, Trưởng Ban Giám sát quản lý về Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Cục KHTC - để b/c);
- Đ/c Cục trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Phó cục trưởng (để biết);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Cục Hải quan (để đăng tải);
- Lưu: VT, TVQT (5b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lưu Mạnh Tường

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG PHỤC VỤ
CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN**

(Kèm theo quyết định số **1302** /QĐ-CHQ ngày 31/7/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan)



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
1	Máy soi hành lý	Có 02 đầu phát tia X, mỗi đầu phát có năng lượng nguồn phát $\geq 160\text{KV}$, độ đâm xuyên thép $\geq 27\text{mm}$.	3.318.000.000/máy	Sân bay quốc tế: Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Long Thành	20 máy/sân bay	- Số lượng máy soi của các cửa khẩu/địa điểm làm thủ tục Hải quan theo số lượng lần, số lượng, luồng xuất, luồng nhập được cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai ở cửa khẩu/địa điểm làm thủ tục Hải quan. - Chỉ xem xét trang bị khi có đủ các điều kiện sau: (i) cơ quan chức năng tại cửa khẩu/sân bay/địa điểm làm thủ tục hải quan không trang bị/trang bị không đáp ứng nhu cầu sử dụng của cơ quan Hải quan; (ii) Ban Giám sát quản lý về Hải quan đánh giá về sự cần thiết trang bị phục vụ công tác quản lý, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và (iii) Chi cục Hải quan khu vực nơi được trang bị đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất để lắp đặt.
				Sân bay quốc tế còn lại	12 máy/sân bay	
				Sân bay nội địa có tiếp nhận chuyển bay quốc tế	03 máy/sân bay	
				(i) Cửa khẩu đường bộ quốc tế; (ii) Cửa khẩu quốc gia (cửa khẩu chính) (iii) Ga đường sắt liên vận quốc tế	02 máy/lần thuộc luồng (luồng xuất cảnh và luồng nhập cảnh)	
				Cửa khẩu phụ, lối mở có bố trí lực lượng Hải quan quản lý, kiểm tra, giám sát, kiểm soát	01 máy/ luồng (luồng xuất cảnh và luồng nhập cảnh)	
				Cảng biển quốc tế, cảng thủy nội địa có tiếp nhận tàu vận chuyển người xuất cảnh, nhập cảnh	01 máy/ luồng (luồng xuất cảnh và luồng nhập cảnh)	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
2	Máy soi hàng hóa	Có 02 đầu phát tia X, mỗi đầu phát có năng lượng nguồn phát ≥ 200 KV cho mỗi đầu phát, độ đâm xuyên thép ≥ 45 mm.	6.890.000.000/máy	- Cảng biển		
				+ Loại đặc biệt	02 máy soi/cảng	
				+ Loại I	01 máy soi/cảng	
				+ Loại II	01 máy soi/cảng	
				+ Loại III	01 máy soi/cảng	
				- Cửa khẩu đường bộ		
				+ Cửa khẩu đường bộ quốc tế	02 máy soi/cửa khẩu	
				+ Cửa khẩu quốc gia/chính	01 máy soi/cửa khẩu	
				+ Cửa khẩu phụ	01 máy soi/cửa khẩu	
				+ Lối mòn/lối mở có bố trí lực lượng Hải quan quản lý, kiểm tra, giám sát, kiểm soát	01 máy soi/lối mòn/lối mở	
				- Cảng hàng không		
				+ Kho hàng hóa thuộc cảng hàng không quốc tế: Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Long Thành	20 máy soi/kho hàng hóa	
				+ Kho hàng hóa thuộc cảng hàng không quốc tế còn lại	04 máy soi/kho hàng hóa	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
				+ Kho hàng hóa thuộc cảng hàng không nội địa có chuyến bay quốc tế	01 máy soi/kho hàng hóa	
				+ Kho hàng không kéo dài	01 máy soi/kho hàng hóa	
				- Ga đường sắt liên vận quốc tế	01 máy soi/ga đường sắt	
				- Đường thủy nội địa	01 máy soi/đường thủy	
				- Bưu điện quốc tế	01 máy soi/bưu điện	
				- Địa điểm chuyển phát nhanh	01 máy soi/địa điểm chuyển phát nhanh	
				- Kho CFS/Kho ngoại quan	01 máy soi/kho	
				- Địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng cạn)	01 máy soi/địa điểm	
3	Máy soi hành lý di động	Có năng lượng nguồn phát $\geq 160KV$, độ đâm xuyên thép $\geq 27mm$	12.800.000.000/máy	Cảng biển quốc tế, cảng thủy nội địa có tiếp nhận tàu vận chuyển người xuất cảnh, nhập cảnh	01 máy soi/cảng	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
4	Máy soi container	Tùy theo nhu cầu sử dụng và địa điểm lắp đặt để chọn trang bị trong các chủng loại sau:				Chỉ xem xét trang bị khi có đủ các điều kiện sau:
		1, Máy soi container cố định có năng lượng nguồn phát $\geq 6\text{MeV}$, độ đâm xuyên thép $\geq 300\text{mm}$.	98.000.000.000/máy	Chi cục Hải quan khu vực II; Chi cục Hải quan khu vực III	15 máy soi/Chi cục	(i) Ban Giám sát quản lý về Hải quan đánh giá về sự cần thiết trang bị máy soi container.
		2, Máy soi container dạng cổng có năng lượng nguồn phát $\geq 6\text{MeV}$, độ đâm xuyên thép $\geq 300\text{mm}$.	93.200.000.000/máy	Chi cục Hải quan khu vực còn lại	06 máy soi/Chi cục	(ii) Chi cục Hải quan khu vực nơi được trang bị phối hợp với Ban Giám sát quản lý về Hải quan đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất (mặt bằng, giao thông, hạ tầng...) và đảm bảo phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương để đồng bộ về cơ sở vật chất khi lắp.
		3. Máy soi container di động có năng lượng nguồn phát $\geq 6\text{MeV}$, độ đâm xuyên thép $\geq 300\text{mm}$	108.000.000.000/máy			(iii) Trường hợp đơn vị đã trang bị máy soi container cố định hoặc dạng cổng hoặc xe máy soi container di động thì tổng số máy soi container di động và máy soi container cố định, máy soi container dạng cổng cho các đối tượng sử dụng không vượt quá định mức phân bổ (số lượng tối đa)
5	Hệ thống cổng phát hiện phóng xạ	Phát hiện sự hiện diện của chất phóng xạ Neutron và Gamma	33.997.560.000/hệ thống	Sân bay quốc tế	01 hệ thống/sân bay	- Chỉ xem xét đầu tư, trang bị sau khi có đánh giá về sự cần thiết, điều kiện mặt bằng, địa điểm lắp đặt đảm bảo thuận lợi về giao thông...
				Cửa khẩu đường bộ quốc tế	01 hệ thống/cửa khẩu	- Định mức tính cho thiết kế ban đầu. Trường hợp mở rộng khu vực kiểm soát bằng hệ thống cổng phát hiện phóng xạ so với thiết kế ban đầu, đơn vị được phép trang bị hệ thống mở rộng.
				Cảng biển quốc tế	01 hệ thống/cảng	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
6	Hệ thống camera giám sát Hải quan	Hệ thống camera giám sát hải quan bao gồm: a) Thiết bị camera: Tùy theo nhu cầu sử dụng và địa điểm lắp đặt để chọn trang bị các chủng loại sau: (i) Camera cố định dạng dome: Camera IP, đáp ứng chuẩn ONVIF (ii) Camera thân ống cố định: Camera IP (camera ngoài trời có tính năng chống sương mù, chống chói, kháng nước/kháng bụi theo tiêu chuẩn IP65), đáp ứng chuẩn ONVIF (iii) Camera quay quét: Camera IP, đáp ứng chuẩn ONVIF b) Tùy theo thiết kế hệ thống tại địa điểm lắp đặt để xác định khối lượng, yêu cầu kỹ thuật cho phù hợp. Hệ thống camera còn có các thiết bị khác của hệ thống camera (thiết bị lưu trữ, bản quyền phần mềm, thiết bị đầu cuối, thiết bị điện, thiết bị mạng...) và các chi phí thi công lắp đặt	26.500.000/camera 29.580.000/camera 110.000.000/camera Mức giá tối đa thực hiện theo quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền	(i) Cửa khẩu đường bộ; (ii) Ga đường sắt liên vận quốc tế (iii) Cảng hàng không/sân bay quốc tế (iv) Cảng biển, cảng thủy nội địa (v) Cảng cạn (vi) Địa điểm làm thủ tục hải quan, địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất cảnh (vii) Các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan	01 hệ thống/địa điểm lắp đặt	- Chỉ xem xét đầu tư, trang bị sau khi có đánh giá về sự cần thiết, điều kiện mặt bằng, địa điểm lắp đặt đảm bảo thuận lợi về giao thông... - Định mức tính cho thiết kế ban đầu. Trường hợp mở rộng khu vực kiểm soát bằng hệ thống công phát hiện phóng xạ so với thiết kế ban đầu, đơn vị được phép trang bị hệ thống mở rộng. - Đối với các thiết bị, vật tư còn lại của hệ thống camera, tùy theo địa điểm lắp đặt, thiết kế để xác định khối lượng, yêu cầu kỹ thuật cho phù hợp và đơn giá mua sắm tối đa theo Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm của cấp có thẩm quyền. - Đối với chi phí lắp đặt được thực hiện theo yêu cầu thiết kế, khối lượng, đơn giá thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm của cấp có thẩm quyền. - Chỉ xem xét đầu tư, trang bị sau khi được Ban Giám sát quản lý về Hải quan kiểm tra, rà soát sự cần thiết, sự phù hợp trang bị, địa điểm lắp đặt, chủng loại, số lượng.
7	Hệ thống RFID	Phát hiện thẻ Tag RFID gắn trên hành lý ký gửi có nghi vấn của hành khách nhập cảnh	3.314.466.000/hệ thống	Sân bay quốc tế	01 hệ thống/sân bay	Chỉ xem xét đầu tư, trang bị sau khi có đánh giá về sự cần thiết

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
8	Phòng quan sát camera (Trung tâm chỉ huy)	- Quan sát, ghi lại dữ liệu từ các camera quan sát được kết nối về hệ thống (quan sát đồng thời từ 80-100 camera - Truy cập, khai thác dữ liệu hình ảnh của các điểm quan sát được kết nối về hệ thống. - Màn hình hiển thị VideoWall chuyên dụng kèm giá đỡ đồng bộ và khối điều khiển đảm bảo hoạt động của hệ thống	- Loại 1: 42.271.000.000/phòng quan sát (tương ứng 54 màn hình ghép) - Loại 2: 15.104.000.000/phòng quan sát (tương ứng 18 màn hình ghép) - Loại 3: 14.561.000.000/phòng quan sát (tương ứng 15 màn hình ghép) - Loại 4: 11.006.000.000/phòng quan sát (tương ứng 12 màn hình ghép)	(i) Chỉ cục Điều tra chống buôn lậu (ii) Chỉ cục Hải quan khu vực	01 hệ thống/đơn vị	- Chỉ xem xét đầu tư, trang bị sau khi có đánh giá về sự cần thiết, điều kiện mặt bằng, địa điểm lắp đặt... - Định mức tính cho thiết kế ban đầu. Trường hợp mở rộng khu vực kiểm soát bằng hệ thống công phát hiện phóng xạ so với thiết kế ban đầu, đơn vị được phép trang bị hệ thống mở rộng.
9	Máy phát hiện phóng xạ cá nhân, cầm tay					
9.1	Máy đo phóng xạ	Dò tìm và xác định (định danh) loại nguồn phóng xạ	624.208.000/máy	Sân bay quốc tế: Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Long Thành, Đà Nẵng, Cam Ranh	06 máy/địa điểm	
				Các cửa khẩu	01 máy/địa điểm	
9.2	Máy phát hiện và cảnh báo phóng xạ	Phát hiện sự hiện diện của chất phóng xạ Neutron và Gamma	95.000.000/máy	Sân bay quốc tế: Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Long Thành, Đà Nẵng, Cam Ranh	20 máy/địa điểm	
				Các cửa khẩu	01 máy/địa điểm	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
10	Hệ thống cân ô tô	- Khả năng chịu tải: 60 tấn, khả năng chịu quá tải 150%, - Load cell: IP 68 - Cấp chính xác: Cấp III theo tiêu chuẩn Việt Nam ĐL VN13: 2019 hay Class 3 theo tiêu chuẩn quốc tế OIML-R76	623.700.000/cân (không bao gồm chi phí xây móng cân)	Cửa khẩu đường bộ; cảng biển; địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung do cơ quan hải quan đầu tư; cảng nội địa; địa điểm làm thủ tục hải quan; Kho hàng không kéo dài; Địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa	01 hệ thống/địa điểm	
11	Hệ thống giám sát bằng seal định vị điện tử	- Hệ thống giám sát bằng seal định vị điện tử bao gồm các thiết bị định vị và phần mềm, các dịch vụ liên quan. - Seal định vị GPS gắn cho container, tuổi thọ cao, chịu được nhiệt độ khắc nghiệt, khả năng chống nước, chống bụi cao, chống va đập, chống báo động giả thường gặp. Thiết bị có thể tái sử dụng nhiều lần. - Hệ thống sử dụng công nghệ tương thích với các hệ thống công nghệ thông tin của Hải quan. Phần mềm quản lý hệ thống - Seal định vị GPS có khả năng và có thể tùy chỉnh để tích hợp, kết nối và trao đổi dữ liệu với các hệ thống CNTT của Hải quan. - Hệ thống có khả năng giám sát các thông số: vận tốc, thời gian, hướng di chuyển, tình trạng di chuyển, theo dõi và lưu trữ được hành trình vận chuyển...; cảnh báo khi seal bị phá hủy, container mở sai quy trình, đi sai hành trình....	- Mức giá tối đa thực hiện theo quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền. - Thiết bị định dạng khóa thông minh: 16.170.000/thiết bị định vị	Chi cục Hải quan khu vực, trong đó Ban Công nghệ thông tin và thống kê Hải quan thống nhất quản lý	01 hệ thống/Cục Hải quan	- Định mức tính cho thiết kế ban đầu. Trường hợp mở rộng phạm vi kiểm soát bằng seal định vị so với thiết kế ban đầu, Cục Hải quan được phép trang bị hệ thống mở rộng. - Chỉ xem xét đầu tư, trang bị sau khi được Ban Giám sát quản lý về Hải quan kiểm tra, rà soát sự cần thiết, sự phù hợp trang bị, địa điểm lắp đặt, chủng loại, số lượng.

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
12	Thiết bị khảo sát phóng xạ môi trường	- Thiết bị phục vụ khảo sát môi trường tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như IEC 60846 (do suất liều gamma môi trường) hoặc IEC 62533 (thiết bị cầm tay phát hiện phóng xạ). - Phải đo được tia Gamma và tia X (X-ray). - Tối thiểu IP65 (chống bụi, chống nước bắn tia) để làm việc ngoài hiện trường thời tiết xấu. - Có còi báo động bằng âm thanh (Buzzer), đèn nháy LED và chế độ rung khi vượt ngưỡng cài đặt.	297.331.200/thiết bị	Hải quan cửa khẩu	02 thiết bị/đơn vị	
13	Thiết bị nhận dạng đồng vị phóng xạ cầm tay	- Có khả năng phân tích phổ năng lượng gamma để xác định chính xác loại đồng vị Đầu dò Gamma - Tối thiểu phát hiện và nhận dạng được nguồn phóng xạ chuẩn trong vòng đến 30 giây ở điều kiện phòng cơ bản. - Tự động cân chỉnh theo nhiệt độ môi trường bằng nguồn chuẩn nội bộ hoặc đỉnh phóng tự nhiên (K-40) để tránh sai lệch phổ ngoài hiện trường. - Tiêu chuẩn chống nước, bụi tối thiểu IP65, chịu rơi vỡ từ độ cao 1m.	267.982.560/thiết bị	Hải quan cửa khẩu	02 thiết bị/đơn vị	



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
14	Bộ dụng cụ kiểm hóa	- Bộ dụng cụ kiểm hoá bao gồm các chi tiết: - Gồm tối thiểu: + Kim cắt seal niêm phong; + Kéo, dao rọc, tua vít, thước dây; + Đèn pin trang bị bóng LED, chống nước, độ sáng từ 300 lumen trở lên, thời gian sử dụng liên tục tối thiểu 4 giờ; + Găng tay bảo hộ, kính bảo hộ; + Dụng cụ mở/kiểm tra bao bì; + Dụng cụ hỗ trợ kiểm tra hàng đóng bao, hàng trên phương tiện vận tải; + Máy đo khoảng cách; + Gương lật soi gầm. - Có hộp/vali/túi đựng chuyên dụng, cơ động, dễ mang theo khi kiểm tra ngoài hiện trường. - Vật liệu bền, chống gỉ, phù hợp điều kiện bụi, ẩm tại cửa khẩu	18.570.000/bộ	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 bộ/đơn vị	
15	Bộ dụng cụ lấy mẫu	- Gồm tối thiểu: xiên, muỗng/xẻng lấy mẫu Inox SUS304, dụng cụ chia mẫu, túi/hộp đựng mẫu, tem niêm phong mẫu, nhãn mẫu, găng tay, khẩu trang; Chai/lọ đựng mẫu: nhựa hoặc thủy tinh chuyên dùng, kín khí. - Vật liệu tiếp xúc mẫu bằng inox hoặc Vật liệu phù hợp, không làm biến đổi mẫu, dễ vệ sinh.	15.525.000/bộ	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 bộ/đơn vị	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
16	Cân bàn điện tử	Cân được từ 30kg - 700kg(tùy chọn); Mặt cân được làm bằng Inox, có khả năng chống nước và bụi bẩn; Thiết bị đạt tiêu chuẩn IP65; Cân sử dụng pin dự phòng, dễ dàng di chuyển khi sử dụng; Nguồn: AC 220V/ Pin sạc 6V/4Ah	39.600.000/cái	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 cái/đơn vị	
17	Máy đo chiều dày lớp phủ bề mặt	- Nguyên lý đo: Cảm ứng từ (đo trên nền sắt, thép, từ tính - Fe) và dòng điện xoáy (đo trên nền nhôm, đồng, phi từ tính - NFe). - Dải đo (Measuringrange): 0-1500µm - Độ phân giải (Resolution): 0.1 µm (với lớp phủ mỏng) và 1 µm (với lớp phủ dày). - Sai số (Accuracy): Rất nhỏ, dao động +/- 1% trên giá trị đọc.	39.350.000/máy	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 máy/đơn vị	
18	Máy đo diện tích bề mặt	Máy đo diện tích bề mặt cần đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: phương pháp hấp phụ thể tích tĩnh, độ phân giải áp suất từ 0.1 Torr, độ chân không đạt tới 10^{-2} Pa và hỗ trợ tối thiểu 1-3 trạm phân tích/khử khí độc lập	13.800.000/máy	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 máy/đơn vị	
19	Máy giám định tài liệu	- Thiết bị kiểm tra, giám định nhanh chứng từ, giấy tờ, tài liệu. - Có tối thiểu các nguồn sáng trắng, nguồn điện 220V ±10% tia UV và/hoặc IR; - Nhiệt độ làm việc 5°C – 40°C. - Hỗ trợ phát hiện dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa, in chồng, khác biệt mực, dấu hiệu bất thường trên chứng từ. - Có khả năng lưu ảnh kiểm tra.	1.741.343.000/máy	Chi cục Hải quan khu vực	02 máy/đơn vị	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
20	Túi kiểm tra cơ bản	- Túi kiểm tra cơ bản là túi nghiệp vụ chuyên dụng phục vụ công tác kiểm tra thực tế hàng hóa. Có dụng cụ, máy móc, thiết bị phục vụ công tác kiểm tra thực tế đảm bảo phát hiện nhanh hóa chất, ma túy,... - Túi đựng chắc chắn, gọn nhẹ ≤ 3 kg, kết cấu nhiều ngăn chức năng: chống bụi, chống ẩm, thuận tiện mang theo khi kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải, khu vực cửa khẩu.	19.720.207/túi	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 túi/đơn vị	
21	Thiết bị đo chiều dài cuộn cáp	- Máy đo, cuộn, cắt và buộc dây cáp có thể đo đường kính dây: $\phi 1 - 15$ mm [Có thể tùy chỉnh]; Chiều dài dây buộc cáp: 200 - 300 mm [Có thể tùy chỉnh]; Đường kính buộc: 40-80 mm [optional 8-30 mm / 18-45 mm]; Đường kính trong cuộn cáp: 50-300 mm; Tốc độ cuộn dây: 1 - 10 chu kỳ/giây; Thời gian chu kỳ xoắn dây buộc cáp: 0.6 s; Trọng lượng cáp: 3 kg [Có thể tùy chỉnh lên đến 50 kg]; - Thư viện dữ liệu: Đảm bảo lưu trữ được dữ liệu tối thiểu 06 tháng. - Thiết bị ngoại vi tương thích: Máy cấp dây cáp trước - Nguồn: AC 110 - 220 V $\pm 10\%$, 50 / 60 Hz - Khí nén: 0.4 - 0.7 MPa (khí sạch và khô)	47.100.000/thiết bị	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 thiết bị/đơn vị	
22	Thiết bị đo chiều dài cuộn vải	Dạng bánh xe lăn cơ học hoặc điện tử; độ chính xác cao (sai số $< 0,5\%$); có chức năng thiết lập lại nhanh; tốc độ đo nhanh không làm biến dạng bề mặt vải	44.000.000/thiết bị	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 thiết bị/đơn vị	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
23	Thiết bị đo tỷ trọng chất lỏng	- Thời gian đo 1 đến 3 phút/mẫu sau khi đạt trạng thái cân bằng nhiệt - Vật liệu tiếp xúc mẫu Thủy tinh Borosilicate/Teflon (PTFE, ECTFE)/... - Kháng hoàn toàn các loại hóa chất và dung môi - Màn hình hiển thị Cảm ứng màu LCD - Tiêu chuẩn đáp ứng ASTM D4052, ASTM D5002, ISO 12185	53.400.000/thiết bị	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 thiết bị/đơn vị	
24	Thiết bị kiểm tra đá quý cầm tay	- Nhận biết kim cương không màu đến gần như không màu - xem bảng màu GIA iD100 đầy đủ. - Nhận dạng tự động với kết quả trong vòng chưa đầy 2 giây; Kết quả đọc dễ hiểu kèm âm thanh; "Đạt" hoặc "Cần kiểm tra thêm"; - Bút thử độ cứng và độ dẫn nhiệt - Khúc xạ kế cầm tay với sai số tối thiểu ở mức $\pm 0.005 RI$ - Thiết kế gọn nhẹ, Nguồn điện sử dụng pin sạc hoặc pin tiêu để thay thế để đảm bảo tính cơ động	52.800.000/thiết bị	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	02 thiết bị/đơn vị	
25	Thiết bị kiểm tra khoang rỗng	- Kiểm tra khoang rỗng container, xe tải, xe khách, tàu thuyền; hỗ trợ kiểm tra những vị trí không thể quan sát trực tiếp. - Thiết bị/camera nội soi phục vụ kiểm tra khoang rỗng, vị trí khuất, hốc kín trên phương tiện vận tải và hàng hóa. - Đầu dò/camera có đèn LED. - Biên độ xung: Biên độ điện áp phát xung tối thiểu từ 250V đến 1000V - Đầu dò: Hỗ trợ nhiều tần số (thường từ 24kHz đến 250kHz) - Lưu trữ & Pin: Bộ nhớ trong lớn, xuất dữ liệu qua USB/Bluetooth và dung lượng pin hoạt động liên tục tối thiểu 8 giờ	346.500.000/thiết bị	Hải quan cửa khẩu	02 thiết bị/đơn vị	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Mức giá mua tối đa (đồng)	Đối tượng được sử dụng	Số lượng tối đa	Ghi chú
26	Thiết bị kiểm tra xăng dầu	- Gồm: Máy đo tỷ trọng, máy đo nhiệt độ, bộ dụng cụ lấy mẫu xăng dầu,... - Yêu cầu kỹ thuật: + Máy đo tỷ trọng: đo được tỷ trọng xăng dầu; + Máy đo nhiệt độ: dải đo từ -10 độ C đến 100 độ C, + Bình chứa mẫu chịu được hoạt chất, kín khí, chống ăn mòn,...	72.000.000/thiết bị	Hải quan cửa khẩu	02 thiết bị/đơn vị	
27	Máy soi tán xạ ngược cầm tay (máy soi quang phổ)	- Công nghệ tán xạ ngược. - Năng lượng nguồn phát ≥ 120 keV	850.119.500/máy	Chi cục Hải quan khu vực I; Chi cục Hải quan khu vực V; Chi cục Hải quan khu vực XV	01 máy/đơn vị	
28	Máy huỳnh quang tia X cầm tay (máy soi chiếu cầm tay phát hiện kim loại)	- Đối tượng phân tích: kim loại. - Điện thế tối đa: 35 kV	496.238.500/máy	Chi cục Hải quan khu vực I; Chi cục Hải quan khu vực V; Chi cục Hải quan khu vực XV	01 máy/đơn vị	